

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN XUÂN HUỆ

**ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI RỬA TIỀN
Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành : Tội phạm học và phòng ngừa tội
phạm**

Mã số : 62380105

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại Học viện Khoa học Xã hội
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Văn Độ**

Phản biện 1: PGS.TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ

Phản biện 2: PGS.TS. PHÙNG THẾ VẮC

Phản biện 3: PGS.TS. PHẠM VĂN LỢI

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Học viện
chấm luận án tiến sĩ họp tại :

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Xuân Huệ (2014), “Những vương mắc, bắt cập khi xử lý tội rửa tiền và đề xuất hoàn thiện một số quy định trong Bộ luật Hình sự”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 02 năm 2014*.
2. Trần Xuân Huệ (2015), “Một số vấn đề về tội rửa tiền trong Luật hình sự Việt Nam so với quy định của luật pháp quốc tế”, *Tạp chí Kiểm sát số 11 năm 2015*.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ sau Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6 năm 1986, nước ta chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Năm 2007, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) các giao dịch về thương mại, tài chính, xuất nhập khẩu ngày càng tăng, thị trường du lịch ngày càng mở rộng thì việc sử dụng các giao dịch tài chính, kinh tế, ngân hàng... để chuyển đổi những đồng tiền bất hợp pháp có được từ các hoạt động phạm tội thành những đồng tiền hợp pháp là điều rất dễ xảy ra. Mặt khác, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các quan hệ tài chính, tiền tệ, ngân hàng với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài ngày càng đa dạng và phát triển. Trên thực tế, tội phạm rửa tiền đang trở thành một vấn nạn toàn cầu, bao gồm cả giao dịch tài chính quốc tế, buôn lậu tiền qua biên giới, phạm tội ở một nước nhưng rửa tiền ở nước khác.

Cũng giống như hầu hết các nước đang phát triển, nền kinh tế của Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên tiền mặt. Việc sử dụng rộng rãi tiền mặt trong mọi giao dịch tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động rửa tiền trong nước và khiến các nhà chức trách khó khăn hơn để lần theo dấu vết của tiền được rửa và xác định tội phạm. Những yếu tố này có nghĩa là Việt Nam hấp dẫn đối với tội phạm nước ngoài, cũng như tội phạm Việt Nam hoạt động ở nước ngoài. Rửa tiền được coi là một khâu quan trọng trong quá trình hoạt động tội phạm nhằm che đậy, xoá nhoà nguồn gốc đồng tiền thu nhập bất hợp pháp có được từ hoạt động phạm tội. Hành vi rửa tiền thường gắn liền với một hoặc nhiều hoạt động tội phạm trước đó, nó gây ra hậu quả rất nghiêm trọng đối với nền kinh tế - xã hội, nó có thể phá huỷ nền kinh tế đồng thời khuyến khích hoạt động tội phạm khác như: Mua bán ma tuý, khủng bố, buôn bán người, buôn bán vũ khí, tội phạm kinh tế, tội phạm công nghệ cao, tham nhũng, đánh bạc... nó tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động và làm lệch hướng quá trình hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô, làm tăng nguy cơ phá sản của các ngân hàng và làm mất đi vai trò kiểm soát các chính sách của Chính phủ...có thể nói nạn rửa tiền không chỉ là vấn đề của các cơ quan quản lý

Nhà nước và các Cơ quan thực thi pháp luật mà còn là mối đe dọa nghiêm trọng nền an ninh của một quốc gia và cộng đồng quốc tế. Rửa tiền đã trở thành vấn nạn nghiêm trọng mang tính quốc tế.

Đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền và để phát huy vai trò của Nhà nước trong việc quản lý nền kinh tế bằng chính sách, pháp luật phát huy những mặt tích cực và hạn chế, khắc phục những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhân dân lao động nói riêng và lợi ích của Nhà nước nói chung thì vấn đề phòng chống rửa tiền cần được pháp luật quy định một cách cụ thể, rõ ràng nhất là trong lĩnh vực pháp luật hình sự để xử lý và giải quyết các vụ án hình sự về tội rửa tiền, có như vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam mới hài hoà và phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế là rất cần thiết trong tình hình hiện nay.

Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài: **“Đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền ở Việt Nam”** nhằm nghiên cứu, phân tích về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm; nghiên cứu những bất cập về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật trong công tác giải quyết các vụ án hình sự về tội rửa tiền. Từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam hiện nay.

2. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trước yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội rửa tiền nói riêng. Mục đích của luận án là tập trung làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu để rút ra các luận cứ tội phạm học tương ứng, từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu cho cuộc đấu tranh nhằm hạn chế và từng bước đẩy lùi tội rửa tiền ở nước ta.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Từ mục đích đặt ra như trên, nhiệm vụ của luận án là:

Về lý luận: - Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài về những vấn đề liên quan đến luận án.

- Phân tích, làm sáng tỏ dưới góc độ tội phạm học tình hình tội rửa tiền, những đặc điểm, nhân thân người phạm tội, nguyên nhân và

điều kiện của tội phạm; về các dấu hiệu pháp lý và các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền ở Việt Nam. Từ đó góp phần bổ sung cho lý luận tội phạm học, luật hình sự và góp phần đề xuất hoàn thiện pháp luật.

Về thực tiễn: Phân tích, làm rõ thực trạng và nguyên nhân của tội rửa tiền, dự báo tình hình và đề xuất các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền ở Việt Nam hiện nay.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu về tội rửa tiền (tập trung nghiên cứu tình trạng, diễn biến, cơ cấu, đặc điểm; nhân thân người phạm tội; nguyên nhân và điều kiện của tội rửa tiền); Các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền ở Việt Nam.

2.4. Phạm vi nghiên cứu

Luận án được làm sáng tỏ ở hai khía cạnh: khía cạnh tội phạm học và pháp luật hình sự. Đó chính là giới hạn nghiên cứu của luận án; về thời gian, luận án lấy mốc thời gian từ năm 2004 đến năm 2013.

3. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật về tội phạm; những thành tựu khoa học về tư pháp luật hình sự, triết học, tâm lý học, lôgic học. Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tác giả đặc biệt coi trọng các phương pháp hệ thống, lịch sử, lôgic, phân tích, tổng hợp, so sánh, dự báo, kết hợp với phương pháp điều tra xã hội học để chọn lọc tri thức khoa học, kinh nghiệm thực tiễn.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp, hệ thống, khảo sát thực tiễn, tham vấn chuyên gia, luật học so sánh và dự báo qua những tài liệu thứ cấp ở trong nước và nước ngoài để làm sáng tỏ những vấn đề được nghiên cứu trong phạm vi đề tài.

4. Những đóng góp mới của luận án

- Khái quát chung về tội rửa tiền trong Luật hình sự Việt Nam; làm rõ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội phạm này.

- Đánh giá tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội rửa tiền, từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

đến năm 2013; đồng thời nêu ra được những mặt được, mặt chưa được trong công tác đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền và dự báo được diễn biến của tình hình tội phạm này trong thời gian tới.

- Nghiên cứu, so sánh pháp luật hình sự quy định về tội này ở Việt Nam với pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới để rút ra được những giá trị hợp lý trong việc lập pháp hình sự.

- Kiến nghị được hệ thống các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền một cách toàn diện, đồng bộ và có hiệu quả.

Trong đó, nổi bật nhất là những đóng góp về sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng chống tội rửa tiền ở Việt Nam.

Luận án được nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định của pháp luật về phòng, chống hoạt động rửa tiền nói chung và pháp luật hình sự hiện hành về điều tra, truy tố, xét xử tội rửa tiền. Kết quả nghiên cứu luận án dựa trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn áp dụng, đánh giá đúng thực trạng, từ đó chỉ ra những khó khăn, vướng mắc và những giải pháp hoàn thiện.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu vừa có ý nghĩa về mặt lý luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn. Những kết luận về tình hình, nguyên nhân, điều kiện của tội rửa tiền và kiến nghị của tác giả trong luận án về các giải pháp đồng bộ đấu tranh phòng, chống loại tội này không những phục vụ thiết thực cho công tác đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền ở Việt Nam mà còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu khoa học pháp lý nói chung cũng như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật nói riêng.

6. Kết cấu của luận án

Luận án gồm 143 trang, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án được chia làm 4 chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận về tội rửa tiền và các biện pháp phòng chống

Chương 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội rửa tiền

Chương 4: Các biện pháp phòng chống tội rửa tiền ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.3. Đánh giá về tình hình nghiên cứu

1.3.1. Những kết quả nghiên cứu đạt được

- *Thứ nhất*; Các công trình nghiên cứu nước ngoài cũng đã đưa ra cái nhìn khá toàn diện về hoạt động rửa tiền được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Một số công trình phân tích cụ thể các dấu hiệu của hoạt động rửa tiền... đã chỉ ra tác hại của hoạt động rửa tiền và xác định mối quan hệ giữa rửa tiền với các tội phạm khác như: Khủng bố và tài trợ khủng bố, tội tham nhũng, tội phạm ma túy, buôn bán người... Qua nghiên cứu các tác phẩm cho thấy, mặc dù các nước với hệ thống pháp luật có quy định khác nhau, song việc tiếp cận khái niệm về rửa tiền như vậy sẽ cho phép tác giả có cơ sở khái quát khái niệm tội rửa tiền trong Luật hình sự Việt Nam một cách đa chiều và có tính so sánh, đối chiếu.

Thứ hai; Các công trình trong và ngoài nước ở các mức độ khác nhau đã đưa ra được tình hình hoạt động rửa tiền, từ thực trạng cho đến tính chất nguy hiểm, hậu quả của tội phạm đối với xã hội; mối quan hệ giữa tội rửa tiền với các tội phạm nguy hiểm khác. Đặc biệt, trong các công trình nghiên cứu, các tác giả đã đưa ra, phân tích các phương thức, thủ đoạn rửa tiền trên thế giới và qua đó đề xuất, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa chung.

Thứ ba; Thông qua các tác phẩm - công trình nghiên cứu ở ngoài nước về tội phạm rửa tiền và hoạt động rửa tiền, có thể nhận thấy rằng hoạt động rửa tiền đã và đang bùng nổ trên toàn cầu, gây nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế và xã hội, đặc biệt ở các nước đang phát triển như ở Việt Nam. Với tác hại và hậu quả của rửa tiền nếu không được khống chế thì nó không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng cho các nền kinh tế mà còn có ảnh hưởng đến an ninh từng quốc gia, tác động nghiêm trọng đến sự trong sạch và hoàn chỉnh chính sách của hệ thống tài chính trên toàn thế giới.

- *Thứ tư*; Một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã bước đầu tiếp cận và phân tích về tội rửa tiền và tác động của tội rửa tiền đối với nền kinh tế và an ninh quốc gia dưới góc độ luật thực

định. Bên cạnh đó cũng đã nêu hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng chống rửa tiền; vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là quản lý kinh tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và hoạt động rửa tiền. Các tác giả cũng đưa ra một số giải pháp ban đầu về phòng chống tội rửa tiền ở Việt Nam... Các công trình, bài viết phân tích này sẽ tiếp tục được tác giả luận án đánh giá, bình luận và từ đó đưa ra những nhận định riêng của mình về khái niệm tội rửa tiền cũng như phân tích tác động tiêu cực của hoạt động tội rửa tiền đối với nền kinh tế và an ninh quốc gia ở nước ta.

Những kết quả nghiên cứu trên của các tác giả trong và ngoài nước là nguồn tư liệu quý báu giúp tác giả nghiên cứu, tham khảo, so sánh và tiếp thu để giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra.

1.3.2. Những vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo còn cần phải tiếp tục nghiên cứu.

- Khái niệm tội rửa tiền trong luật hình sự Việt Nam chưa được các công trình nghiên cứu trong nước giải quyết thấu đáo, thuyết phục. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho luận án là: Trên cơ sở phân tích một cách khoa học các quan niệm quốc tế cũng như trong nước về hành vi rửa tiền và tội rửa tiền để đưa ra quan điểm khoa học của mình và làm rõ những đặc điểm cũng như bản chất của tội rửa tiền. Đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền là vấn đề nhạy cảm, phức tạp với những hình thức, biện pháp riêng biệt. Với các khái niệm, thuật ngữ chưa được phổ biến trong đại bộ phận dân chúng, thậm chí ở một số cơ quan có thẩm quyền dẫn tới nhận thức về công tác phòng, chống rửa tiền còn có những hạn chế nhất định.

- Chưa có công trình nào nghiên cứu và phân tích tình hình thực tiễn của tội rửa tiền ở Việt Nam để đánh giá nguyên nhân và điều kiện phát sinh của tội phạm.

- Chưa có công trình nào đưa ra các giải pháp mang tính tổng thể và hệ thống về công tác đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền.

- Kế thừa các kết quả nghiên cứu đã được thực hiện, luận án cần phát triển thêm một bước để làm rõ tội rửa tiền là tội phạm nguồn (hay tội phạm phái sinh) để từ đó thống nhất nhận thức không chỉ khái niệm; Chủ thể của hoạt động rửa tiền là ai? (có thể là pháp nhân?); Các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm, tình hình tội

phạm... mà còn xác định các biện pháp phòng chống tội rửa tiền trong nền kinh tế thị trường hiện nay như thế nào?

- Việc nghiên cứu các giải pháp pháp lý phòng chống tội rửa tiền ở Việt Nam trong xu thế hội nhập rất có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn, khi mà các lĩnh vực pháp luật hình sự cũng như kinh tế, hành chính chưa có được những quy định cần thiết và hiệu quả cho đấu tranh, phòng chống tội rửa tiền. Vì vậy, Luận án sẽ đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và các cơ chế thực thi pháp luật đảm bảo cho việc đấu tranh, phòng chống tội rửa tiền hiệu quả ở Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Tội rửa tiền là loại tội phạm chưa được nghiên cứu nhiều tại Việt Nam. Hệ thống khoa học lý luận về tội này còn có nhiều quan điểm chưa nhất quán. Trên thực tế nhiều người chưa hiểu rõ được bản chất và chưa nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm của tội này đối với nền kinh tế và an ninh quốc gia. Từ đó gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Trong quá trình hội nhập hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng còn thiếu đồng bộ, thiếu tính cụ thể, tính minh bạch, chưa phù hợp, chưa tương thích với hệ thống pháp luật trên thế giới trong điều kiện hội nhập.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI RỬA TIỀN VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

2.1. Những vấn đề lý luận về tội rửa tiền

2.1.1. Khái niệm

Ngày nay, khái niệm "rửa tiền" không còn xa lạ đối với đời sống kinh tế quốc tế cũng như trong lĩnh vực pháp luật. Sự quen thuộc của khái niệm này được chứng minh bằng sự xuất hiện của khái niệm trong nhiều cuốn từ điển (bao gồm cả từ điển pháp luật); trên nhiều trang mạng chính thức của những cơ quan, tổ chức quốc tế hoặc quốc gia hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và pháp luật; trong nhiều bài viết trên các sách, báo pháp lý và đặc biệt trong nhiều văn bản pháp luật của quốc tế và quốc gia. Tuy khái niệm rửa tiền được đề cập từ nhiều phương diện và rộng khắp trên toàn cầu với những

cách thức định nghĩa khái quát hoặc cụ thể khác nhau nhưng bản chất của khái niệm này dường như được hiểu một cách khá thống nhất.

Rửa tiền được khá nhiều cơ quan, tổ chức của quốc tế nghiên cứu nhằm tìm ra giải pháp hữu hiệu phòng, chống tội phạm này. Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm của Liên hợp Quốc (UNODC) khi giới thiệu về tội rửa tiền đã định nghĩa một cách khái quát: “Rửa tiền là phương pháp mà những người phạm tội che giấu nguồn gốc bất hợp pháp tài sản của họ và bảo vệ những cơ sở cho quyền tài sản của họ, để tránh sự nghi ngờ của cơ quan thực thi pháp luật và đề phòng việc để lại những dấu vết có thể trở thành bằng chứng buộc tội” [115, tr.96].

Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) cũng định nghĩa một cách ngắn gọn rằng rửa tiền là “bất kì hành vi hoặc nỗ lực thực hiện hành vi che dấu hoặc nguy trang nhận diện của tài sản có được một cách bất hợp pháp để chúng có vẻ bắt nguồn từ nguồn gốc hợp pháp” [65, tr.211].

Tuy nhiên, BLHS Việt Nam chưa đưa ra một định nghĩa cụ thể mà chỉ mang tính liệt kê về hành vi rửa tiền chứ không phản ánh tội phạm này theo cách mô tả khái quát.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có một văn bản nào đưa ra khái niệm về tội rửa tiền nên trong lý luận và thực tiễn qua khảo vấn các chuyên gia và Kiểm sát viên; Điều tra viên; Thẩm phán; cán bộ làm trong ngành Ngân hàng, Kiểm toán cũng còn có nhiều quan điểm khác nhau:

+ *Quan điểm thứ nhất* cho rằng, rửa tiền là hành vi tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó; sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác; che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thật sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó; thực hiện một trong các hành vi trên đối với tiền, tài sản biết rõ là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có”.

+ *Quan điểm thứ hai* cho rằng rửa tiền là hoạt động mà một số lượng lớn tiền chỉ do phạm tội mà có (buôn bán ma túy, khủng bố, tham nhũng...) mang về “mặt” như là được hình thành từ nguồn hợp pháp nhằm xoá nhoà nguồn gốc bất hợp pháp của đồng tiền.

Trên cơ sở khái niệm tội phạm nói chung và các quan điểm nêu trên, tác giả đưa ra khái niệm tội rửa tiền như sau:

“Rửa tiền là hành vi tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc các giao dịch khác; sử dụng tiền, tài sản đó vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động kinh tế khác; che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản, cũng như thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó”.

2.1.2. Đặc điểm của tội rửa tiền

Thứ nhất, đặc điểm nổi bật nhất của tội rửa tiền là loại tội phạm có tính phái sinh. Nó luôn đi kèm với những hoạt động phạm tội trước đó, có thuộc tính tự nhiên vào tội phạm nguồn.

Tội phạm nguồn là bất cứ tội phạm nào mà tiền, tài sản có được từ việc thực hiện tội phạm. Có thể nói, nếu không có tội phạm nguồn thì cũng không có tội rửa tiền. Rửa tiền chính là kết quả tất yếu của những hoạt động phạm tội xảy ra trước đó với mong muốn xoá sạch dấu vết bất hợp pháp của những đồng tiền “bẩn”.

Thứ hai, đối tượng tác động của tội rửa tiền là tiền, tài sản do phạm tội mà có. Tài sản ở đây phải được hiểu theo một nghĩa rộng, ở mọi hình thức, hữu hình hay vô hình, động sản hay bất động sản, vật chất hay phi vật chất, và toàn bộ các văn bản pháp lý hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý chứng nhận quyền sở hữu, hay các lợi ích liên quan đến tài sản đó. Đây là loại đối tượng đặc biệt bởi nguồn gốc hình thành chúng xuất phát từ hệ quả của một hành vi phạm tội. Qua một quá trình, các khoản tiền, tài sản này đã dần được các chủ thể biến đổi bản chất của chúng từ chỗ có thể bị tịch thu do có nguồn gốc tội phạm tới chỗ trở thành những khối tài sản hợp pháp, có thể sử dụng dễ dàng. Hơn thế nữa tiền, tài sản là đối tượng tác động của tội rửa tiền có thể tiếp tục được sử dụng làm nguồn tài chính đầu tư vào các hoạt động hợp pháp khác với quy mô lớn hơn. Như vậy, vô hình chung các hoạt động phạm tội được tiếp nhận thêm một nguồn kinh

tế ngày càng mạnh mẽ hơn và tất nhiên sẽ trở nên nguy hiểm và khó đối phó hơn.

Thứ ba, với xu thế toàn cầu hóa, rửa tiền đang trở thành một loại tội phạm có tính quốc tế. Chu trình rửa tiền được thực hiện qua nhiều công đoạn với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, nếu việc rửa tiền chỉ tiến hành trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia thì tài sản mà tội phạm có được từ hành vi phạm tội rất dễ bị điều tra ra nguồn gốc bất hợp pháp. Những giao dịch tiền gửi càng đi qua nhiều khu vực thì càng tránh xa được nguồn gốc ban đầu, và như vậy nó sẽ ngày càng “sạch” hơn, dễ dàng hơn trong việc lọt qua sự truy tìm về nguồn gốc của pháp luật.

2.2. Tội rửa tiền theo quy định của BLHS Việt Nam và của một số nước trên thế giới

2.2.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội rửa tiền

2.2.1.1. Khách thể

Tội rửa tiền được quy định tại Chương XIX thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng.

2.2.1.2. Mặt khách quan

+ *Thứ nhất*, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch, tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản, biết rõ là do phạm tội mà có nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó.

+ *Thứ hai*, sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc các hoạt động khác.

+ *Thứ ba*, che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó.

+ *Thứ tư*, thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản biết rõ là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có.

2.2.1.3. Chủ thể

Theo quy định của Bộ luật hình sự chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định.

2.2.1.4. Mặt chủ quan

Lỗi của người phạm tội rửa tiền là lỗi cố ý: Tội phạm này được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ có thể là tham lam, tư lợi, nể nang... và mục đích phạm tội là che dấu nguồn gốc bất hợp pháp các khoản tiền, tài sản do phạm tội mà có.

- Về mục đích phạm tội, đòi hỏi người phạm tội phải có mục đích làm cho tiền, tài sản có nguồn gốc từ bất hợp pháp thành tiền, tài sản hợp pháp. Mục đích là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

2.2.2. Hình phạt

Theo quy định tại Điều 251 BLHS hình phạt đối với tội rửa tiền bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

+ Hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tối đa là mười lăm năm tù.

+ Hình phạt bổ sung bao gồm: Tịch thu tài sản; phạt tiền; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

2.3. Tội rửa tiền trong luật hình sự Việt Nam so với quy định chuẩn mực quốc tế

Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 33 của Châu Á - Thái Bình Dương-tổ chức quốc tế mang tính tự quản và hợp tác về chống rửa tiền vào tháng 5/2007 và cam kết thi hành theo đúng các điều khoản phòng chống rửa tiền và phải thực thi 40 khuyến nghị của lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF). Điều này có nghĩa, Việt Nam phải tuân thủ theo các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Tuy nhiên, qua nghiên cứu tác giả thấy trên thực tế pháp luật về phòng chống rửa tiền ở nước ta so với chuẩn mực quốc tế vẫn còn nhiều thiếu sót:

Thứ nhất, vấn đề hình sự hóa các dạng hành vi rửa tiền

Thứ hai, vấn đề quy định tội phạm nguồn của tội rửa tiền

Thứ ba, về phạm vi chủ thể của tội rửa tiền

Thứ tư, về đối tượng tác động của tội rửa tiền

Thứ năm, về trách nhiệm pháp lý của pháp nhân đối với tội rửa tiền

2.4. So sánh tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam với tội rửa tiền của một số nước trên thế giới.

2.4.1. Luật hình sự của Trung Quốc

2.4.2. Luật hình sự của Liên bang Nga

2.5. Những vấn đề lý luận về phòng, chống tội rửa tiền ở Việt Nam

Tiểu kết chương 1

Xuất phát từ định nghĩa về tội rửa tiền, có thể nhận thấy được một số đặc điểm cơ bản đặc trưng của tội rửa tiền so với các loại tội phạm nguồn, sự đặc biệt của đối tượng tác động là tiền, tài sản do phạm tội mà có, là loại tội phạm thường được thực hiện thông qua các giao dịch có liên quan đến tiền, tài sản và mang tính quốc tế khi hành vi rửa tiền thường có sự liên quan đến nhiều quốc gia từ khi hành vi phạm tội được thực hiện cho đến khi kết thúc.

Khác với những tội phạm hình sự điển hình gây hậu quả xấu trực tiếp cho xã hội, những hậu quả xấu tiềm ẩn mà tội rửa tiền gây ra đối với một quốc gia cũng rất nghiêm trọng. Do đó, yêu cầu hình sự hóa hành vi rửa tiền là cần thiết để có cơ sở pháp lý hình sự, đấu tranh chống loại tội phạm này.

So sánh về phạm vi hình sự hóa các dạng hành vi rửa tiền theo luật hình sự Việt Nam với chuẩn mức quốc tế và luật hình sự một số nước. Việt Nam đã hình sự hóa gần như đầy đủ các dạng hành vi rửa tiền theo yêu cầu, tuy nhiên một số dạng hành vi theo quốc tế được coi là rửa tiền thì Việt Nam lại chưa có một nhìn nhận thực sự chính xác để quy định đó là hành vi khách quan của tội rửa tiền. Từ việc so sánh trên Việt Nam cần phải nghiên cứu và xây dựng pháp luật về rửa tiền so cho phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam và chuẩn mực quốc

Chương 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI RỬA TIỀN

3.1. Tình hình tội rửa tiền ở Việt Nam

Trước tình hình tội phạm có nhiều diễn biến phức tạp, xét thấy sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều trong Bộ Luật Hình sự để phù hợp với thông lệ và pháp luật quốc tế, Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Bộ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999 (số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009), có hiệu lực từ ngày 01/01/2010; tội rửa tiền chính thức được ghi nhận, nhưng xét về bản chất của tội phạm này đã được ghi nhận ngay trong Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta (năm 1985) tại Điều 201 quy định về “tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà

có”. Đến Bộ luật hình sự năm 1999 tiếp tục kế thừa, sửa đổi thành tội “chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 250 và bổ sung thêm tội “hợp pháp hóa tiền, tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 251. Như vậy, về bản chất pháp luật hình sự Việt Nam ghi nhận tội rửa tiền từ BLHS đầu tiên nhưng trên thực tế thì tên điều luật và nội dung điều luật chưa điều chỉnh đầy đủ hành vi của tội phạm rửa tiền, cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nên chưa được các quốc gia trên thế giới thừa nhận. Chính vì vậy, việc quy định tội “rửa tiền” thay thế cho “tội hợp pháp hóa tiền, tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 là phù hợp với quy định về hình sự hóa trong công ước Palecmo năm 2000; Công ước chống tham nhũng của Liên Hợp Quốc, Công ước Viên năm 1988 và 40 Khuyến nghị của FAFT.

3.1.1. Phân hiện của tình hình tội rửa tiền

3.1.1.1. Mức độ của tình hình tội rửa tiền

Mức độ của tình hình về tội rửa tiền “là số lượng các tội phạm đã thực hiện và những người thực hiện tội phạm đó ở một địa điểm nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định” [128 tr.62]. Nó phản ánh mức độ, tác hại của loại tội này đối với nền kinh tế - xã hội. Tình hình tội rửa tiền được thể hiện qua số vụ và số người phạm tội rửa tiền trong đơn vị không gian và thời gian nhất định được nghiên cứu. Với nguồn thông kê số liệu chính thức từ năm 2004 đến năm 2013 của Cục thống kê - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bỏ qua những sai số thống kê khó tránh khỏi, hiện nay số liệu thống kê về tội rửa tiền và các tội phạm nguồn khác do các đối tượng sau khi phạm tội xong tự rửa tiền để hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có đã được toà án các cấp xét xử sơ thẩm ở Việt Nam là căn cứ quan trọng để đưa ra kết luận tương đối sát thực về thực trạng tội rửa tiền ở Việt Nam.

Trên thực tế ở Việt Nam hiện nay, có gần 400.000 người nước ngoài đang làm ăn sinh sống (trong đó số người mang quốc tịch Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc chiếm khoảng 40%). Nhiều đối tượng người nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động phạm tội mới như lừa đảo bằng thẻ tín dụng, lừa đảo thông qua việc thực hiện

hợp đồng kinh tế qua mạng Internet, tội phạm công nghệ cao... Các đối tượng phạm tội thường tập trung vào các lĩnh vực mà Việt Nam còn thiếu nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý cũng như trong đấu tranh phòng, chống tội phạm như lĩnh vực tài chính ngân hàng, lĩnh vực đầu tư giáo dục, chứng khoán... với những thủ đoạn hết sức tinh vi. Bên cạnh đó, ngày càng xuất hiện nhiều trường hợp là Việt kiều hoặc người nước ngoài đến Việt Nam đầu tư kinh doanh nhưng thực chất là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của cá nhân người Việt Nam cũng như của Nhà nước. Thời gian gần đây xuất hiện nhiều đối tượng gốc Phi, I-ran, Thổ Nhĩ Kỳ, In-đô-nê-xi-a... đến Việt Nam “cư trú lý” móc nối với các đối tượng trong nước và các nước khác gây ra nhiều vụ phạm tội như lừa đảo, trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản, gây mất an ninh trật tự (ANTT), nhất là ở các thành phố lớn [66].

Theo số liệu thống kê từ năm 2004 đến năm 2013, Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử sơ thẩm 1.780 vụ án với 3.131 bị cáo về tội Chứa chấp hoặc Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 250 và tội Hợp pháp hoá tiền, tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 251 Bộ luật hình sự là: 11 vụ/ 12 bị cáo.

Qua phân tích các số liệu ở trên đặt trong sự so sánh với các số liệu về tội rửa tiền với tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và các tội phạm xâm phạm trật tự trị an khác có liên quan có thể thấy:

Một là, So sánh số vụ và số bị cáo phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và rửa tiền với tổng số vụ và bị cáo phạm tội nói chung trong chương XIX thấy: Từ năm 2004 đến năm 2013, Tòa án các cấp đã xét xử sơ thẩm tổng số 687.804 vụ/1.113.161,4 bị cáo phạm tội các tội xâm phạm trật tự trị an. Trung bình mỗi năm có 68.708 vụ/111.316,14 bị cáo đưa ra xét xử. Như vậy, tỷ lệ tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền bị đưa ra xét xử sơ thẩm trong cùng giai đoạn chiếm 0.38% số vụ và 0.001% số bị cáo trong tổng số các tội phạm. Tỷ lệ này chiếm không đáng kể đó là nói về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội nói chung còn về tội rửa tiền nói riêng thì gần như là rất hiếm xảy ra trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Hai là, trên thực tế, theo số liệu thống kê thì số vụ án được đưa ra xử lý liên quan đến tội rửa tiền tại Điều 251 rất ít so với số lượng vụ án về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại Điều 250. Từ năm 2004 đến năm 2013, Tòa án các cấp xét xử là: năm 2004: 201 vụ án/364 bị cáo (trong khi tội rửa tiền: 5 vụ án/6 bị cáo); năm 2005: 186/400 bị cáo (tội rửa tiền: 2 vụ án/2 bị cáo); năm 2006: 266 vụ án/585 bị cáo; năm 2008: 228/514 bị cáo (tội rửa tiền: 2 vụ án/2 bị cáo); năm 2009: 180 vụ án/656 bị cáo (tội rửa tiền: 1 vụ án/1 bị cáo), trong khi các năm 2007, 2009, 2010 đến 2013 không có vụ án nào về tội rửa tiền. Phải chăng do sự khó khăn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc xác định hành vi rửa tiền, phân biệt giữa tội rửa tiền và tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên thường xử lý các trường hợp liên quan theo Điều 250 mà tránh xử lý theo Điều 251?. Hay do các văn bản pháp luật hướng dẫn về tội rửa tiền chưa được cụ thể?. [99, tr.34].

Như vậy, có thể thấy rửa tiền là một quá trình rất phức tạp, phải trải qua nhiều công đoạn, nhiều hành vi khác nhau và có nhiều người cùng tham gia vào quá trình này đối tượng tham gia rửa tiền rất đa dạng, hành vi tự rửa tiền diễn ra hết sức phổ biến. Nhưng trong quá trình xử lý, giải quyết các vụ án, các cơ quan tố tụng còn gặp nhiều khó khăn một phần là do hệ thống văn bản pháp lý về xử lý hành vi này chưa thực sự hoàn thiện, chế tài chưa rõ ràng. Việc phân biệt giữa hai tội danh đó là chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có và tội rửa tiền còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Tuy rằng các quy định về tội rửa tiền trong BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung nhằm tạo cơ sở pháp lý hiệu quả trong đấu tranh với loại tội phạm này. Nhưng nhìn từ góc độ lập pháp hình sự, quy định này cũng chưa hoàn chỉnh như cấu thành tội rửa tiền chưa bao hàm hết các hành vi nguy hiểm xảy ra trên thực tế, dẫn đến việc xác định chính xác tội danh cũng như áp dụng chế tài còn những hạn chế dẫn đến việc điều tra, truy tố, xét xử đối với loại tội phạm này trong thời gian qua còn khiêm tốn

3.1.1.2. Cơ cấu tình hình tội rửa tiền

Ngoài số liệu các bản án về tội rửa tiền (11 vụ/12 bị cáo); tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có (53 vụ/69 bị cáo) được tác giả thu thập, nghiên cứu. Do yếu tố phụ thuộc (*được quy định xem*

như là tội phạm nguồn của tội rửa tiền tại Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền), cũng như các đối tượng sau khi phạm tội xong thường thực hiện hành vi tự rửa tiền do phạm tội mà có và trên thực tế ở Việt Nam cho thấy tội phạm nguồn của tội rửa tiền thường rơi vào các nhóm tội tham nhũng (như tham ô tài sản, nhận hối lộ), nhóm tội ma túy (như mua bán trái phép chất ma túy, chiếm đoạt ma túy), nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (như tội buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả), nhóm tội xâm phạm sở hữu và trật tự trị an (như tội lừa đảo, đánh bạc) nên tác giả sẽ phân tích và làm rõ thêm về số vụ và số bị cáo điển hình phạm các tội như tham ô tài sản quy định tại Điều 278 (36vụ/ 43 bị cáo); tội mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 194 (74 vụ/96 bị cáo); tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc quy định tại Điều 248+249 (29 vụ/53 bị cáo); tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định Điều 139 (30 vụ/38 bị cáo) đã được đưa ra xét xử. Vì các bị cáo này sau khi phạm tội nguồn xong lại tự hợp pháp hoá nguồn tiền, tài sản do phạm tội mà có, để phân tích và bình luận thêm về số liệu minh họa cho nội dung, nhiệm vụ của luận án. (trong hoạt động thực tiễn các cơ quan tư pháp hàng năm đều phải báo cáo số vụ án có liên quan đến hành vi rửa tiền thuộc nhóm tội phạm trên).

Có thể nói, nếu không có tội phạm nguồn thì cũng không có tội rửa tiền. Rửa tiền chính là kết quả tất yếu của những hoạt động phạm tội xảy ra trước đó với mong muốn xóa sạch dấu vết bất hợp pháp của những đồng tiền “bẩn” có được từ hành vi phạm tội.

Theo số liệu thống kê từ năm 2004 đến năm 2013, Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử sơ thẩm về các tội tham ô tài sản quy định tại Điều 278 là 2.385vụ/ 3.535 bị cáo; tội mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 194 là 117.502 vụ/137.446 bị cáo; tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc quy định tại Điều 248+249 là 35.233 vụ/38.938 bị cáo; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định Điều 139 là 87.803vụ/98.176 bị cáo và 1.780 vụ án/3.131 bị cáo về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 250 và 11vụ/12 bị cáo về tội rửa tiền theo Điều 251 Bộ luật hình sự.

Dựa trên số liệu các vụ án đã thu thập được. Những chỉ số cơ bản về cơ cấu của tình hình tội rửa tiền sẽ được phân tích làm rõ trong luận án là:

- Mỗi tương quan và tỷ lệ của tội rửa tiền so với các loại tội phạm khác trong chương XIX (các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng).

- Mỗi tương quan và tỷ lệ của một số tội trong nhóm tội được nghiên cứu là tội phạm nguồn của tội rửa tiền như tham ô tài sản; tội mua bán trái phép chất ma túy, đánh bạc + tổ chức đánh bạc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

- Tỷ lệ của hình thức phạm tội tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, có tổ chức của tội rửa tiền.

3.1.1.3. Phương thức, thủ đoạn phạm tội.

Hoạt động rửa tiền có thể trải qua 3 bước sau:

Thâu nhận các khoản tiền từ các hành vi tội phạm; Hợp pháp hóa tiền bằng nhiều cách thức khác nhau; Sử dụng công khai các khoản tiền đã được làm sạch.

3.1.1.4. Hình thức phạm tội và chế tài hình sự

3.1.2. Phần ẩn của tình hình tội rửa tiền

Nguyên tắc xử lý trong luật hình sự Việt Nam mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong thực tiễn các cơ quan tư pháp, nhất là của cơ quan công an chưa thống kê đầy đủ, đúng về số vụ phạm tội đã xảy ra. Hay nói cách khác, hiện nay chúng ta còn để lọt một lượng tội phạm nhất định chưa được phát hiện và xử lý, khoa học pháp lý gọi đó là phần tội phạm ẩn [67, tr.79].

Lý luận và thực tiễn cho thấy chỉ có một phần các tội phạm xảy ra được các cơ quan chức năng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và đưa vào thống kê hình sự, đây là phần tội phạm rõ. Còn một phần tội phạm đáng kể khác thực tế đã xảy ra, nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà các cơ quan chức năng chưa phát hiện và chưa đưa vào thống kê hình sự - đó là tội phạm ẩn.

Dạng ẩn thứ nhất: trong thực tế, những hành vi phạm tội đã xảy ra nhưng không được các cơ quan pháp luật phát hiện về sự việc phạm tội cũng như người phạm tội. Theo quan điểm của các nhà tội phạm học thì đây là dạng tội phạm ẩn tự nhiên. Nguyên nhân chính

dẫn đến tình hình này là từ phía (người bị hại) hoặc những người biết sự việc không tố giác tội phạm xảy ra cho các cơ quan pháp luật hoặc do các cơ quan chức năng không phát hiện được, vì vậy mà tội phạm không bị phát hiện [67, tr.77].

Dạng ẩn thứ hai: Đó là những hành vi phạm tội đã xảy ra, tuy đã được các cơ quan chức năng phát hiện và đưa vào thống kê nhưng hành vi phạm tội chưa bị xử lý theo luật hình sự, hay nói cách khác là người có hành vi phạm tội chưa bị chịu trách nhiệm hình sự [67, tr.81].

3.2. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội rửa tiền

3.2.1. Về chính trị

3.2.2. Về kinh tế

3.2.3. Về văn hóa - xã hội

3.2.4. Về cơ chế, chính sách pháp luật

3.2.5. Về công tác tổ chức, cán bộ

3.2.6. Các cơ quan pháp luật còn hạn chế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền

3.2.7. Vai trò của ngân hàng trong quản lý nhà nước về tiền tệ, ngân hàng, đầu tư, thương mại.

3.2.8. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Tiểu kết chương 3

Bối cảnh của Việt Nam hiện nay nạn tham nhũng đã trở thành nhức nhối và đang là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước cũng như mọi người dân. Tổng kết 10 năm (1999-2009) cả nước đã phát hiện điều tra 9.454 vụ tham nhũng, thiệt hại 10.760 tỷ đồng; 80.287 vụ buôn lậu, gian lận thương mại và buôn bán hàng cấm, thu hồi hàng hoá, tài sản trị giá hơn 5.289,7 tỷ đồng [33, tr.79]. Tuy nhiên, số liệu trên chưa phản ánh được hoàn toàn thực trạng của tình hình vi phạm và phạm tội, ví như đây chỉ là một phần của tảng băng nổi so với phần tảng băng chìm là các vụ án tham nhũng, ma tuý đã xảy ra trong thực tế. Lượng tiền, tài sản do các hoạt động phạm tội này luôn có nhu cầu và thực tế đã phải được rửa sạch để đưa vào sử dụng, lưu thông một cách hợp pháp trong nền kinh tế xã hội. Thực tế việc kiểm soát các hoạt động có tiềm ẩn và nguy cơ dễ bị hoạt động rửa tiền lợi

dụng tại Việt Nam còn chưa đáp ứng được với sự phát triển mạnh mẽ của toàn bộ hệ thống vận hành nền kinh tế, tài chính...điều đó cho thấy hệ thống pháp luật và chính sách tạo ra hành lang, cơ chế bảo đảm sự phát triển ổn định bền vững của các thiết chế tài chính, kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền. Nhận thấy tình hình trên có thể đe dọa tới sự phát triển ổn định của nền kinh tế cũng như ảnh hưởng nghiêm trọng tới an ninh, trật tự của đất nước. Thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tội rửa tiền và một số tội phạm nguồn của tội rửa tiền ở Việt Nam từ năm 2004 đến 2013 là các thông số cơ bản tạo nên bức tranh về tình hình tội rửa tiền ở Việt Nam trong phạm vi luận án nghiên cứu. Cùng với tình hình tội phạm rõ, tội phạm ẩn của tội rửa tiền cùng tồn tại với độ ẩn rất cao (95-98%). Đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền là việc Nhà nước tiến hành đồng bộ các biện pháp trên tất cả các mặt từ kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa để từng bước ngăn chặn, đẩy lùi và đi đến bài trừ hoạt động rửa tiền ra khỏi đời sống xã hội. Việc thực hiện thành công hệ thống các biện pháp đó sẽ góp phần xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, củng cố lòng tin của nhân dân, đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đi đến thắng lợi vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

CHƯƠNG 4

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG TỘI RỬA TIỀN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Dự báo tình hình tội rửa tiền trong những năm tới

4.1.1. Cơ sở dự báo

Tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội rửa tiền nói riêng đều là hiện tượng xã hội vì nó tồn tại và có nguồn gốc trong xã hội, nội dung và số phận của nó cũng mang tính chất xã hội. Tội rửa tiền là một hiện tượng xã hội bởi vì nó được hình thành từ những hành vi phạm tội rửa tiền do con người trong xã hội cụ thể thực hiện, đi ngược lại lợi ích của toàn xã hội. Với tính cách là một hiện tượng xã hội, tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội rửa tiền nói riêng là một hiện tượng xã hội thay đổi về mặt lịch sử, tùy thuộc vào sự biến

đổi của đời sống kinh tế-xã hội, nhất là sự thay đổi về cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp. Do đó, để việc dự báo tình hình tội rửa tiền được chính xác, đầy đủ thì ngoài việc căn cứ vào tình hình thực tế của tội rửa tiền, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm rửa tiền, còn phải căn cứ vào sự biến đổi của tình hình kinh tế-xã hội ở nước ta trong thời gian tới cũng như diễn biến, ảnh hưởng của kinh tế khu vực và thế giới đối nền kinh tế của nước ta.

4.1.2. Nội dung dự báo

Căn cứ vào diễn biến thực tế của tình hình hoạt động tội phạm rửa tiền trong thời gian qua, diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế-xã hội cũng như ảnh hưởng của kinh tế khu vực, thế giới đối với nước ta có thể dự báo tình hình tội phạm rửa tiền ở nước ta trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố bất định, khó lường. Hoạt động rửa tiền sẽ còn tiếp tục gây ra những hậu quả xấu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và sẽ còn là thách thức lớn đối với sự phát triển đất nước, là vật cản trên con đường đổi mới.

4.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật

+ **Về pháp luật hình sự:** Bộ luật hình sự cũng cần hình sự hoá những hành vi đã được quy định trong các điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động rửa tiền như: tội làm giàu bất minh, để buộc các cá nhân có tài sản tăng đáng kể so với thu nhập của mình mà không giải thích được nguồn gốc của nó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bên cạnh đó cần xây dựng các quy định về biện pháp tịch thu tiền và tài sản do phạm tội mà có. Các biện pháp tịch thu là sự nối tiếp tất yếu của các biện pháp trấn áp tội phạm rửa tiền. cần nâng cao hiệu quả áp dụng trong quá trình phòng chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia nói chung và phòng chống rửa tiền nói riêng. Trước hết, quá trình xây dựng hệ thống pháp luật phòng chống rửa tiền phải luật hình sự hoá đối với hành vi rửa tiền và các hành vi khác liên quan. Trên cơ sở nội dung quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự cần bổ sung, sửa đổi theo hướng quy định rộng hơn, bao quát hơn và cụ thể hơn. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung các điều luật liên quan đến hành vi rửa tiền cần quy định nhất quán và phù hợp với các

khuyến nghị và các Công ước quốc tế liên quan đến vấn đề phòng chống rửa tiền.

Về Bộ luật tố tụng hình sự: là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự đối với các vụ án tham nhũng, rửa tiền. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự vẫn còn những bất cập, hạn chế làm giảm hiệu quả phát hiện, xử lý tội phạm tham nhũng, rửa tiền như: quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tin báo về tội phạm nhưng không có chế tài xử lý vi phạm; chưa có biện pháp hiệu lực bảo vệ người tố giác tội phạm; quy trình, trách nhiệm giải quyết tin báo tội phạm còn thiếu chặt chẽ; thẩm quyền điều tra các vụ án chưa được phân định một cách cụ thể, rõ ràng giữa các cơ quan điều tra; chưa có đầy đủ các biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng trong việc quản lý, kê biên, nắm giữ tài sản, phong tỏa tài khoản; đối tượng chứng minh thiếu cụ thể; vấn đề luật hóa các biện pháp ngoài tố tụng; cơ chế phối hợp, chế ước trong tố tụng hình sự chưa rõ ràng, chưa phù hợp với tố tụng tư pháp...

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản tham nhũng.

Trước mắt chính phủ cần thực hiện các biện pháp: Xử lý dứt điểm các vụ việc nổi cộm, bức xúc. Những vụ án có liên quan đến cán bộ lãnh đạo, quản lý, dù ở cấp nào, đương chức hay đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hình sự. Không có một ai can thiệp trái pháp luật vào quá trình điều tra, truy tố, xét xử

4.2.2. Hoàn thiện về cơ chế quản lý kinh tế.

+ Bổ sung quy chế thành lập và hoạt động của các Văn phòng đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam, tạo thuận lợi cho công ty nước ngoài xúc tiến đầu tư, kinh doanh, đồng thời đảm bảo sự quản lý của Nhà nước, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hoạt động vi phạm pháp luật nhất là hoạt động tham nhũng, rửa tiền.

+ Cần có biện pháp quản lý chặt chẽ hoạt động của các công ty, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, các chi nhánh, văn phòng đại diện của các công ty nước ngoài. Phải có quy chế quản lý, tổ chức, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2.3. Hạn chế giao dịch tiền mặt trong hoạt động kinh tế - tài chính

4.2.4. Hoàn thiện về hợp tác quốc tế .

4.3. Các biện pháp về phòng chống tội rửa tiền

4.3.1. Biện pháp kinh tế - xã hội

4.3.2. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật

4.4. Xây dựng các cơ quan chuyên trách và cơ chế phối hợp

4.4.1. Lực lượng Công an nhân dân

4.4.2. Ngân hàng Nhà nước

4.4.3. Hải quan

4.4.4. Ủy ban nhân dân các cấp.

4.4.5. Viện kiểm sát nhân dân

4.4.6. Tòa án nhân dân

4.4.7. Trách nhiệm của Bộ, Ngành khác

4.4.8. Các định chế tài chính và các tổ chức, cá nhân kinh doanh chỉ định.

4.4.9. Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong công tác đấu tranh phòng, chống rửa tiền.

Tiểu kết chương 4

Để đấu tranh phòng, chống lại tội rửa tiền và để phát huy vai trò của Nhà nước trong việc quản lý nền kinh tế bằng chính sách, phát luật phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường bảo vệ lợi ích nhân dân lao động nói riêng và lợi ích của Nhà nước nói chung thì vấn đề phòng chống tội rửa tiền cần được pháp luật quy định một cách cụ thể, rõ ràng, nhất là trong lĩnh vực hình sự nhằm phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự về tội rửa tiền một cách có hiệu quả, có như vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam mới hài hoà và phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế là rất cần thiết trong tình hình hiện nay.

KẾT LUẬN

Tội phạm rửa tiền đã và đang là hiểm họa, thách thức của các quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền được chú trọng đặc biệt, thể hiện quyết tâm ngăn chặn nạn rửa tiền. Tuy nhiên, loại tội phạm này vẫn đang thể hiện các diễn biến gia tăng phức tạp, cùng với hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về an ninh, xã hội và kinh tế tài chính đất nước.

Dựa trên cơ sở lý luận về khoa học hình sự, tội phạm học, cũng như nghiên cứu tổng kết sâu sắc thực tiễn tình hình tội phạm rửa tiền ở Việt Nam, có tham khảo tài liệu, kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền của các nước trên thế giới. Luận án đã hoàn thiện lý luận cơ bản về hoạt động phòng chống rửa tiền ở Việt Nam ở một số nội dung:

Đấu tranh phòng, chống tội phạm phải gắn với tình hình tội phạm đã, đang và được dự báo diễn ra. Luận án tập trung phân tích khoa học thực trạng rửa tiền và tình hình tội phạm rửa tiền ở Việt Nam từ năm 2004 đến 2013 qua các số liệu thống kê và khảo sát và xây dựng phương pháp đánh giá tình hình tội phạm ẩn của tội phạm rửa tiền ở Việt Nam. Luận án tổng kết và rút ra xu hướng chung của tình hình loại tội phạm này, làm cơ sở thực tiễn cho các dự báo về tình hình tội phạm rửa tiền ở Việt Nam trong thời gian tới.

Luận án phân tích nguyên nhân, điều kiện của tội phạm rửa tiền trên cơ sở lý luận chung về nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nói chung, tội phạm rửa tiền chịu tác động của các nguyên nhân, điều kiện chung của tội phạm như các tồn tại về kinh tế-xã hội; tâm lý-xã hội; quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự xã hội; hệ thống pháp luật và hoạt động đấu tranh chống tội phạm. Đồng thời, tội phạm rửa tiền cũng chịu nhiều tác động đặc thù như những tồn tại trong kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến tiền, tài sản... Mỗi nguyên nhân, điều kiện cũng có các mức độ tác động khác nhau đến tội phạm rửa tiền.

Luận án xác định các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội rửa tiền phải trực tiếp khắc phục một số nguyên nhân, điều kiện chủ yếu của tình hình tội rửa tiền, với diễn biến mới phức tạp nảy sinh. Không chỉ đòi hỏi các giải pháp đồng bộ, tập trung sức mạnh của toàn xã hội mà cần có trọng tâm, trọng điểm.

Rửa tiền là một hành vi mới xuất hiện tại Việt Nam, nhưng trong thời gian qua nó cũng cho thấy mức độ và sự tinh vi diễn ra trong thực tế. Đấu tranh với loại tội này cần có sự tham gia của cả xã hội. Luận án mong muốn đóng góp một phần trong việc nâng cao nhận thức về loại tội phạm nguy hiểm này góp phần tham gia đấu tranh trấn áp tội rửa tiền ở nước ta. Việt Nam là một nền kinh tế tiền mặt, đây là một môi trường thuận lợi mà tội phạm rửa tiền mong muốn. Với những thủ đoạn tinh vi của tội phạm cùng với sự thiếu sót trong công tác quản lý, Việt Nam đang đứng trước những thách thức to lớn mà rửa tiền có thể gây nên cho kinh tế-xã hội. Thực tế cho thấy kinh nghiệm của nước ta trong việc đấu tranh với loại tội phạm này còn nhiều hạn chế. Ngoài việc xây dựng các biện pháp kỹ thuật phòng chống rửa tiền thì việc xây dựng và thực thi pháp luật hình sự về tội rửa tiền là hết sức cần thiết. Đây là công cụ pháp lý mang tính trừng phạt và răn đe cao nhất đối với người phạm tội rửa tiền. Chúng ta phải đẩy mạnh đồng bộ các biện pháp trong đó có việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội rửa tiền, từ đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đất nước ta đang trong quá trình phát triển, để có thể bắt kịp với các quốc gia trên thế giới, chúng ta cần nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ và phát triển kinh tế xã hội. Rửa tiền là một tác nhân to lớn gây nên những biến đổi của xã hội. Chúng ta cần phải mạnh mẽ, quyết liệt đấu tranh với loại tội phạm này nhằm ổn định nền kinh tế, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ an ninh kinh tế và chủ quyền quốc gia.